

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO****NGHỊ ĐỊNH****QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG SỐ CỦA HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế Giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật thuế Giá trị gia tăng ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật thuế Thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế Thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định:

- Phạm vi trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay của các tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán trong và ngoài nước và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác;
- Cách thức thực hiện việc khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai thay số thuế đã khấu trừ cho hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay;
- Hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Hộ, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, hoạt động kinh tế số khác (sau đây gọi là nền tảng thương mại điện tử);
- Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác (sau đây gọi là tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay);

Sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số có chức năng thanh toán quy định tại khoản này là nền tảng được thiết lập để người mua thanh toán trực tiếp trên sàn thông qua các phương thức ví điện tử, thẻ ngân hàng hoặc hệ thống chuyển khoản tích hợp, thanh toán tiền mặt khi nhận hàng (giao hàng thu tiền hộ - Cash On Delivery).

Tổ chức có hoạt động kinh tế số khác quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là các tổ chức tham gia hợp tác hoạt động kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh hoặc hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện các giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ thông qua môi trường số gồm: tổ chức nền tảng trung gian kết nối dịch vụ; tổ chức nền tảng cung cấp nội dung số; tổ chức quảng cáo trực tuyến; tổ chức cung cấp dịch vụ lưu trữ, điện toán đám mây; tổ chức nền tảng mạng xã hội có hoạt động kinh doanh; tổ chức cung cấp dịch vụ học trực tuyến; Tổ chức nền tảng trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí số; tổ chức tại Việt Nam là đối tác của các nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài thực hiện chi trả thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số cho cá nhân theo thỏa thuận với nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

3. Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số không có chức năng thanh toán (sau đây gọi là nền tảng thương mại điện tử không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay.

4. Cơ quan quản lý thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Chương II**

### **PHẠM VI TRÁCH NHIỆM, CÁCH THỨC KHẤU TRỪ, NỘP THUẾ THAY, KÊ KHAI SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THUỘC ĐỐI TƯỢNG KHẤU TRỪ, NỘP THUẾ THAY**

#### **Điều 3. Khấu trừ, nộp thuế thay**

1. Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay (bao gồm chủ sở hữu trực tiếp quản lý nền tảng nền tảng thương mại điện tử hoặc người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử) thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu ở trong nước của hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu ở trong và ngoài nước của hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

2. Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay (bao gồm chủ sở hữu trực tiếp quản lý nền tảng nền tảng thương mại điện tử hoặc người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử) thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với mỗi giao dịch cung cấp dịch vụ phát sinh doanh thu trong nước của cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong nước của cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

#### **Điều 4. Thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ thuế**

1. Thời điểm thực hiện khấu trừ: trước khi chuyển trả tiền thanh toán từ người mua hàng hóa, dịch vụ trên nền tảng thương mại điện tử cho hộ, cá nhân kinh doanh, tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay quy định tại Điều 3 Nghị định này thực hiện khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trên nền tảng thương mại điện tử thuộc phạm vi quản lý. Việc xác định số thuế phải thực hiện khấu trừ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu của mỗi giao dịch được hoàn tất.

a) Tỷ lệ % tính thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng như sau:

a.1) Hàng hóa: 1%

a.2) Dịch vụ: 5%

a.3) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 3%

Tỷ lệ phần trăm quy định tại điểm a.2 và a.3 khoản này áp dụng chung cho cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú.

b) Tỷ lệ % tính thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân như sau:

b.1) Đối với cá nhân cư trú

b.1.1) Hàng hóa: 0,5%

b.1.2) Dịch vụ: 2%

b.1.3) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 1,5%

b.2) Đối với cá nhân không cư trú

b.2.1) Hàng hóa: 1%

b.2.2) Dịch vụ: 5 %

b.2.3) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 2%

c) Trường hợp các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay không xác định được giao dịch phát sinh doanh thu từ nền tảng thương mại điện tử là hàng hóa hay dịch vụ thì việc xác định số thuế phải khấu trừ thực hiện theo mức tỷ lệ cao nhất quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

d) Doanh thu của mỗi giao dịch được hoàn tất là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ mà tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thu hộ từ người mua.

## **Điều 5. Cách thức kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ**

1. Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện kê khai theo tháng số thuế đã khấu trừ quy định tại Điều 4 Nghị định này theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

**Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử ở trong nước được cấp mã số thuế riêng (mã số thuế 10 chữ số) để kê khai và nộp thay số thuế đã khấu trừ. Hồ sơ đăng ký mã số thuế thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đăng ký thuế.**

Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử ở nước ngoài được cấp mã số thuế 10 chữ số để thực hiện nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam (nếu có) như quy định đối với nhà cung cấp nước ngoài tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính và được sử dụng mã số thuế này để kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ của hộ, cá nhân cư trú kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử ở nước ngoài.

2. Hồ sơ kê khai số thuế đã khấu trừ gồm:

a) Tờ khai khấu trừ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 01/CNKD-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Phụ lục Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 01-1/BK-CNKD-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Địa điểm nộp hồ sơ kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ: Các tổ chức quy định tại Điều 3 Nghị định này nộp hồ sơ kê khai thuế theo phương thức điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan quản lý thuế thương mại điện tử) và nộp số thuế đã khấu trừ theo quy định của pháp luật quản lý thuế, pháp luật ngân sách nhà nước.

Các tổ chức quy định tại Điều 3 Nghị định này lập Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế theo mẫu số 01/BKNT-TMĐT kèm theo Nghị định này gửi đến cơ quan thuế cùng thời điểm lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

4. Thời hạn nộp số thuế đã khấu trừ và thời hạn nộp hồ sơ kê khai số thuế đã khấu trừ thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

## **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay**

1. Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay đã thực hiện cung cấp thông tin của hộ, cá nhân kinh doanh theo Nghị định này thì không phải cung cấp thông tin của hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế quản lý hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

2. Đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế điện tử, định dạng chứng từ khấu trừ thuế điện tử, xử lý chứng từ khấu trừ thuế điện tử đã lập theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

3. Cấp chứng từ khấu trừ thuế thương mại điện tử theo phương thức điện tử cho hộ, cá nhân kinh doanh theo năm và chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế theo phương thức truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử mà tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đang chuyển cho cơ quan thuế.

Nội dung của chứng từ khấu trừ thuế điện tử: Tên chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế, số thứ tự chứng từ khấu trừ thuế; tên, địa chỉ, số điện thoại, mã số thuế của người nộp; tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế (nếu người nộp thuế có mã số thuế); quốc tịch (trường hợp người nộp thuế không quốc tịch Việt Nam); doanh thu các giao dịch, số thuế đã khấu trừ; ngày, tháng, năm lập chứng từ khấu trừ thuế; chữ ký số của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

Mẫu hiển thị chứng từ khấu trừ thuế thương mại điện tử theo Mẫu số 01/CTKT-TMĐT ban hành kèm theo nghị định này.

4. Thực hiện quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản đã được cơ quan thuế cấp; chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế; lưu giữ dữ liệu giao dịch kinh doanh, số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của Luật quản lý thuế.

5. Thực hiện trách nhiệm của người nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

## **Chương III**

# **HỒ SƠ, THỦ TỤC KHAI THUẾ, NỘP THUẾ VÀ HOÀN THUẾ CỦA CÁC HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, NỘP THUẾ THAY**

**Điều 7. Hồ sơ, thủ tục kê khai, nộp thuế của hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay**

1. Hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay trực tiếp thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan. Trực tiếp thực hiện kê khai, nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký kê khai, nộp thuế từ thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số).

**2. Khai thuế**

a) Khai thuế theo tháng theo quy định của Luật quản lý thuế áp dụng đối với:

a.1) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

a.2) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động kinh doanh thường xuyên trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

b) Khai theo từng lần phát sinh theo quy định của Luật quản lý thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký nộp thuế theo phương pháp kê khai, có hoạt động kinh doanh không thường xuyên trên nền tảng thương mại điện tử.

3. Thủ tục đăng ký, kê khai, nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế tại Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký kê khai, nộp thuế từ thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số.

**a) Hồ sơ khai thuế**

a.1) Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 02/CNKD-TĐMT ban hành kèm theo Nghị định này

a.2) Phụ lục Bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 02-1/BK-CNKD-TĐMT ban hành kèm theo Nghị định này (áp dụng đối với hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này)

b) Thủ tục đăng ký thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thủ tục nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế, pháp luật ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế nơi cư trú (nơi ở hiện tại/ tạm trú/ thường trú) của hộ, cá nhân kinh doanh.

**Điều 8. Hồ sơ, thủ tục kê khai, nộp thuế đối với cá nhân không cư trú nộp thuế trên nền tảng thương mại điện tử không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay**

1. Cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và thuế thu nhập cá nhân đối với hàng hóa, dịch vụ kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu theo từng lần phát sinh theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân.

2. Tỷ lệ % tính thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập cá nhân (TNCN) như sau:

**a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT**

a.1) Dịch vụ: 5%

a.2) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 3%

**b) Tỷ lệ % để tính thuế TNCN**

b.1) Hàng hóa: 1%

b.2) Dịch vụ: 5%

b.3) Vận tải: 2%

**3. Khai thuế:**

a) Cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thực hiện khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và nộp thuế cho Cơ quan quản lý thuế thương mại điện tử tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký kê khai, nộp thuế từ thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số) theo từng lần phát sinh.

b) Cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử thực hiện đăng ký giao dịch thuế điện tử cùng với đăng ký thuế lần đầu theo mẫu 04/CNKD-TMĐT thông qua Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh.

#### 4. Thủ tục khai thuế, nộp thuế

a) Hồ sơ khai thuế: Tờ khai thuế đối với cá nhân không cư trú theo mẫu số 03/CNNN-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế và pháp luật ngân sách nhà nước.

#### Điều 9. Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế

1. Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh đã được tổ chức quy định tại Điều 3 Nghị định này thực hiện khấu trừ và nộp thuế thay số thuế giá trị gia tăng và thu nhập cá nhân theo quy định tại Điều 4 Nghị định này đối với các giao dịch phát sinh trong năm nhưng có mức doanh thu năm của toàn bộ hoạt động kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân hoặc thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân thì thực hiện thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa sau khi tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đã hoàn thành nghĩa vụ kê khai, nộp thuế thay số thuế đã khấu trừ của hộ, cá nhân kinh doanh trên các nền tảng này của năm tính thuế.

2. Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với các giao dịch phát sinh trong năm theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này nhưng có mức doanh thu năm của toàn bộ hoạt động kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân hoặc thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân thì thực hiện thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

3. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế:

- Văn bản đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 03/CNKD-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định này.

- Chứng từ khấu trừ thuế theo Mẫu số 01/CTKT-TMĐT ban hành kèm theo nghị định này.

4. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ hoàn thuế là Chi cục thuế nơi cư trú (nơi ở hiện tại/ tạm trú/ thường trú) của cá nhân tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hoàn.

#### Điều 10. Trách nhiệm của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số

1. Hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay có trách nhiệm kê khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

2. Hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, nền tảng số, hoạt động kinh tế số khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin mã số định danh (đối với công dân Việt Nam) hoặc số hộ chiếu (đối với công dân nước ngoài) cho tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác.

#### Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 11. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này./.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN**



Mẫu biểu